ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 103 /2026/QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 23 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Định mức kinh tế – kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định về kiểm tra, rà soát và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 803/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 10 năm 2026 và Văn bản số 17741/SNNMT-CCKSBVMT ngày 17 tháng 11 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định Định mức kinh tế – kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 36/2025/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1:

a) Sửa đổi câu đầu Điều 1 như sau:

"Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa bao gồm:"

b) Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 như sau:

"4. Các định mức kinh tế – kỹ thuật về vệ sinh công cộng: duy trì vệ sinh, quét, gom rác ngõ, xóm, hè, đường phố; xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển; thu gom các xe đẩy tay sau ca công tác về kho chứa để vệ sinh; duy trì dải phân cách bằng thủ công; tưới rửa, rửa đường và vận hành hệ thống bơm nước cấp nước rửa đường; tua vỉa hè, dọn phế thải; vớt rác bằng cơ giới; vệ sinh thùng thu gom rác thải sinh hoạt và quét dọn nhà vệ sinh công cộng; duy trì vệ sinh trên biển; thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng."

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

"Định mức kinh tế - kỹ thuật này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, vệ sinh công cộng và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa."

3. Bổ sung Điều 19 như sau:

Bổ sung sử dụng máy đầm chân cừu đối với loại công việc "XL.2.3: Định mức vận hành cơ sở chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh công suất > 500 tấn/ngày đến ≤ 750 tấn/ngày, sử dụng vật liệu phủ bằng đất" vào điểm 1.2 khoản 1 và các khoản 2, 3, 6 Điều 19 Chương III Phần II như sau:

"1.2. Định biên, định mức

Bảng số 46

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công nhóm/tấn)	
		XL.2.3	
		Định biên	Định mức
II	**Xử lý chất thải rắn sinh hoạt**		
1	Máy đầm chân cừu	01 LX III	0,0012

2. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Bảng số 47

TT	Danh mục thiết bị	Công suất	Mức tiêu hao (ca/tấn)
			XL.2.3
II	**Xử lý chất thải rắn sinh hoạt**		
1	Máy đầm chân cừu	26,8 tấn	0,0012

3. Định mức sử dụng dụng cụ lao động

Bảng số 48

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/tấn)
				XL.2.3
II	**Xử lý chất thải rắn sinh hoạt**			
2.1	***Vận hành máy đầm chân cừu***			
1	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,0012
2	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,0012
3	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,0006
4	Găng tay cao su	đôi	01	0,0006
5	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,0006
6	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,0012
7	Quần áo mưa	bộ	12	0,0006
8	Áo phản quang	cái	12	0,0012
9	Ủng cao su	đôi	12	0,0006

6. Định mức tiêu hao nhiên liệu

Bảng số 51

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/tấn)
			XL.2.3
1	Dầu diesel vận hành máy đầm chân cừu	lít	0,3525

”

4. Bổ sung Điều 22 như sau:

Bổ sung loại công việc XL.5.10 vào các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 22 Chương III Phần II như sau:

"1. Định mức lao động:

1.1. Nội dung công việc

- XL.5.10: Định mức vận hành Trạm xử lý nước rỉ rác Lương Hòa công suất >100 m^3/ngày đến ≤ 300 m^3/ngày.

1.2. Định biên, định mức

Bảng số 64

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công nhóm/m^3 nước thải)	
		XL.5.10	
		Định biên	Định mức
I	**Tiếp nhận nước thải**		
1	Tiếp nhận chất thải	01 NC III.IV	0,0033
2	Thí nghiệm nước thải	02 KS III	0,0067
II	**Xử lý nước thải**		
3	Xử lý nước thải	02 KS III 02 NC III.IV	0,0100

2. Định mức máy móc, thiết bị

Bảng số 65

TT	Danh mục thiết bị	Công suất	Mức tiêu hao (ca/m^3 nước thải)
			XL.5.10
1	Hệ thống xử lý nước thải	91,84 kW	0,01000

3. Định mức dụng cụ lao động

Bảng số 66

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/m^3 nước thải)
				XL.5.10

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/m^3 nước thải)
				XL.5.10
I	**Tiếp nhận nước thải**			
1.1	***Tiếp nhận nước thải***			
1	Chổi có cán	cái	06	0,00333
2	Xẻng có cán	cái	12	0,00333
3	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,00333
4	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,00333
5	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,00167
6	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,00333
7	Ủng cao su	đôi	12	0,00167
8	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,00334
9	Quần áo mưa	bộ	12	0,00100
10	Áo phản quang	cái	12	0,00333
1.2	***Thí nghiệm nước thải***			
11	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,00666
12	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,00666
13	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,00334
14	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,00666
15	Ủng cao su	đôi	12	0,00200
16	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,00334
17	Quần áo mưa	bộ	12	0,00200
18	Áo phản quang	cái	12	0,00666

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/m^3 nước thải)
				XL.5.10
19	Găng tay chống axit	đôi	06	0,00666
20	Kính bảo hộ	cái	06	0,00200
21	Đồ bảo hộ chống axit	bộ	06	0,00666
22	Ủng hóa chất	đôi	06	0,00200
23	Trang phục hóa nghiệm	bộ	06	0,00200
II	**Xử lý nước thải**			
24	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,01900
25	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,03000
26	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,01500
27	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,03000
28	Ủng cao su	đôi	12	0,00750
29	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,01500
30	Quần áo mưa	bộ	12	0,00900
31	Áo phản quang	cái	12	0,03000
32	Găng tay chống axit	đôi	06	0,03000
33	Kính bảo hộ	cái	06	0,00900
34	Đồ bảo hộ chống axit	bộ	06	0,03000
35	Ủng hóa chất	đôi	06	0,00750
36	Trang phục hóa nghiệm	bộ	06	0,00900

4. Định mức tiêu hao vật liệu

Bảng số 67

TT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (tính cho 01 m^3 nước thải)
			XL.5.10
1	Vôi bột (CaO)	kg	0,3784
2	Axit Sunfuric (H_2SO_4)	kg	0,0465
3	Sắt (III) clorua ($FeCl_3$)	kg	0,1701
4	Natri hydroxit (NaOH)	kg	0,3301
5	Polime anion	kg	0,0022

5. Định mức tiêu hao năng lượng

Bảng số 68

TT	Danh mục năng lượng	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (kWh/m^3 nước thải)
			XL.5.10
1	Điện năng tiêu thụ	kWh	5,000

5. Bổ sung Chương IV sau Chương III phần II và bổ sung các Điều 23, 24, 25, 26 vào Chương IV như sau:

“Chương IV

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VỀ VỆ SINH CÔNG CỘNG

Điều 23. Duy trì vệ sinh, quét, gom rác ngõ, xóm, hè, đường phố; xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển; thu gom các xe đẩy tay sau ca công tác về kho chứa để vệ sinh

1. Quy trình kỹ thuật

a) Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thu gom chất thải rắn trên đường phố theo địa bàn được giao;

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…), chổi, xẻng và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra phương tiện thu gom thủ công và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công

- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp;

- Điều khiển phương tiện thu gom dọc tuyến đường, nhặt hết các loại chất thải rắn, các loại phế thải trên hè phố, xúc hết chất thải rắn trên đường phố trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc.

- Thu gom thủ công chất thải rắn cho đến khi đạt tải trọng hoặc thể tích lưu chứa tối đa của phương tiện thu gom; di chuyển về địa điểm tập kết chất thải rắn; hỗ trợ chuyển chất thải rắn từ phương tiện thu gom sang xe chuyên dùng; che phủ phương tiện thu gom trong quá trình chờ chuyển chất thải rắn lên phương tiện vận chuyển. Dọn sạch chất thải rắn tại các điểm tập kết khi chuyển chất thải rắn sang xe chuyên dùng;

- Tiếp tục thu gom chất thải rắn theo quy trình kỹ thuật như trên cho đến hết ca làm việc. Lưu ý khi phát hiện xác động vật, dừng thu gom tại vị trí đó và báo ngay UBND cấp xã và cơ quan thú y theo quy định.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện thu gom, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện;

- Tổng hợp thông tin thực hiện công việc trong ca làm việc. Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện thu gom, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

b) Công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động quét, thu gom chất thải rắn đường phố theo địa bàn được giao.

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…), chổi, xẻng và các dụng cụ lao động cần thiết khác.

- Kiểm tra phương tiện thu gom thủ công và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Quét, thu gom thủ công chất thải rắn trên hè, đường phố trên địa bàn được giao

- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp;

- Đi dọc hai bên phố, làm sạch đường, hè phố (nhặt chất thải rắn vụn phát sinh trên đường), thu gom vào thùng thu chứa chất thải rắn; Lựa chiều gió, quét thứ tự từ trong làn đường vào phía vỉa, chiều rộng bằng 2m tính từ mép ngoài rãnh nước dưới đường, khi quét tỳ chổi nhát nọ, nhát kia để sạch rác. Khi quét từ khoảng 8 đến 10m quay lại tỳ chổi, miết gờ vỉa và vun rác, đất thành đống sát gờ

vỉa. Đối với các tuyến đường có xe ô tô đỗ dưới lòng đường, sử dụng chổi quét sâu vào gầm xe, làm sạch khu vực xung quanh xe. Quét nước ứ đọng trên đường (nếu có).

- Thu gom chất thải rắn đã được gom thành đống (trước đó) trên đường phố, vỉa hè. Hót xúc chất thải rắn, cát bụi vào phương tiện thu gom. Thu gom chất thải đến khi đạt tải trọng hoặc thể tích lưu chứa tối đa của phương tiện thu gom; di chuyển về địa điểm tập kết chất thải rắn; hỗ trợ chuyển chất thải rắn từ phương tiện thu gom sang xe chuyên dùng; che phủ phương tiện thu gom trong quá trình chờ chuyển chất thải rắn lên phương tiện vận chuyển. Dọn sạch chất thải rắn tại các điểm tập kết khi chuyển chất thải rắn sang xe chuyên dùng.

- Tiếp tục thực hiện quét, thu gom chất thải rắn theo quy trình kỹ thuật cho đến hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện thu gom, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện;

- Tổng hợp thông tin thực hiện công việc trong ca làm việc. Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện thu gom, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

c) Công tác quét đường phố bằng cơ giới

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động và phương tiện thực hiện công tác quét rác đường phố bằng cơ giới theo địa bàn được giao;

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…) và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra phương tiện đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường theo quy định.

Quét đường phố bằng cơ giới

- Xe ô tô quét hút thực hiện theo đúng lịch trình quy định, điều khiển phương tiện sát vỉa hè, lựa chọn tốc độ quét hút phù hợp (tốc độ di chuyển đạt 4-5km/giờ hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất), đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông, chú ý đường dây điện, cành cây thấp, các đường lên xuống của vỉa hè để tránh gây hư hỏng thiết bị, phương tiện;

- Mở các béc phun nước chống bụi tùy theo lượng cát bụi thực tế trên đường;

- Trong quá trình quét hút, quan sát mặt đường sau khi quét để điều chỉnh chổi, nước và tốc độ quét cho phù hợp, không để dây vết bụi ở lại trên mặt đường, không gây bụi trong quá trình quét;

- Trong quá trình quét hút, căn cứ lượng chất thải, bụi trên đường, dừng xe và mở nắp quan sát trên thùng chứa để kiểm tra. Khi lượng cát, chất thải trên thùng đầy thì tiến hành đi đổ vào nơi quy định. Thao tác đổ chất thải thực hiện theo hướng dẫn vận hành của phương tiện chuyên dùng quét hút;

- Tiếp tục thực hiện quy trình như trên cho đến hết ca làm việc;

- Thường xuyên kiểm tra chiều dài các loại nan chổi để đảm bảo chất lượng quét hút, thực hiện thay thế chổi, nan chổi theo hướng dẫn, các quy định vận hành xe quét hút của nhà sản xuất;

- Sau khi đổ chất thải chuyến cuối, di chuyển xe về điểm tập kết và thực hiện công tác vệ sinh phương tiện;

- Xử lý các sự cố nhỏ nếu có (kẹt chổi quét, tắc hệ thống hút bụi,…).

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện quét hút, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện;

- Tổng hợp thông tin thực hiện công việc trong ca làm việc. Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

d) Công tác duy trì vệ sinh ngõ, xóm bằng thủ công

Công tác chuẩn bị

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…), chổi, xẻng và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra phương tiện thu gom thủ công và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Duy trì vệ sinh ngõ, xóm bằng thủ công

- Di chuyển phương tiện thu gom dọc ngõ và đỗ gọn về một bên đường để tiếp nhận rác.

- Thu nhặt túi rác, hướng dẫn nhân dân, hỗ trợ người già và trẻ em đổ rác vào phương tiện thu gom. Đối với địa bàn thực hiện phân loại rác tại nguồn: việc thực hiện phân loại rác tại nguồn theo quy trình được cấp thẩm quyền phê duyệt. Thu rác rơi vãi dưới đường; dùng chổi, xẻng xúc dọn rác lên xe thu gom. Lưu ý khi phát hiện xác động vật, dừng thu gom tại vị trí đó và báo ngay UBND cấp xã và cơ quan thú y theo quy định.

- Dồn nén rác trên phương tiện thu gom không được để rác cao quá miệng; không gây rơi vãi rác khi di chuyển. Trường hợp sử dụng xe cơ giới trong thu gom thùng xe phải đảm bảo kín khít, sử dụng bạt che.

Kết thúc ca làm việc

Rửa phương tiện thu gom, dụng cụ lao động đưa về điểm tập kết đúng quy định.

đ) Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thực hiện xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển theo địa bàn và kế hoạch được giao;

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động gồm quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang, ….và các dụng cụ cần thiết khác;

- Kiểm tra phương tiện vận chuyển, vị trí tập kết chất thải và khu vực thực hiện công việc, bảo đảm điều kiện an toàn lao động, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường;

- Bố trí vị trí đứng, thao tác của công nhân và phương tiện vận chuyển phù hợp, hạn chế cản trở giao thông và ảnh hưởng đến hoạt động xung quanh.

Xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công

- Tập kết phương tiện vận chuyển vào đúng vị trí tiếp nhận chất thải theo quy định;

- Dùng cào, xẻng và các dụng cụ phù hợp để gom, xúc chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển;

- Đối với chất thải rắn nằm rải rác xung quanh điểm tập kết, tiến hành thu gom, quét dọn và xúc toàn bộ vào phương tiện vận chuyển;

- Trong quá trình xúc phải thực hiện tuần tự, tránh làm rơi vãi chất thải ra khu vực xung quanh;

- Phân loại riêng các loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế theo yêu cầu phân loại tại nguồn và quy định của địa phương;

- Xúc chất thải đến khi đạt tải trọng hoặc thể tích chứa cho phép của phương tiện vận chuyển;

- San gạt tương đối đều chất thải trên thùng xe, không để chất thải cao quá thành thùng;

- Phủ bạt kín phương tiện trước khi di chuyển đến điểm xử lý hoặc điểm tập kết tiếp theo;

- Thu gom, quét dọn sạch chất thải rơi vãi tại khu vực tập kết sau khi hoàn thành công tác bốc xúc;

- Tiếp tục thực hiện công việc theo quy trình trên cho đến hết khối lượng công việc hoặc hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Thu gom dụng cụ, vệ sinh khu vực làm việc;

- Kiểm tra, vệ sinh dụng cụ lao động và phương tiện thu gom;

- Di chuyển phương tiện, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc nơi lưu giữ theo quy định và thực hiện bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

e) Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người điều khiển máy và nhân công hỗ trợ thực hiện công tác;

- Chuẩn bị bảo hộ lao động và các dụng cụ cần thiết;

- Kiểm tra máy móc, thiết bị cơ giới và các thiết bị an toàn;

- Kiểm tra khu vực tập kết chất thải, vị trí phương tiện vận chuyển và phạm vi hoạt động của thiết bị cơ giới;

- Bố trí biển báo, rào chắn hoặc người cảnh giới khi cần thiết để bảo đảm an toàn trong quá trình bốc xúc.

Xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới

- Điều khiển thiết bị cơ giới đến vị trí tập kết chất thải, bảo đảm máy nằm ngoài khu vực nguy hiểm;

- Điều khiển gầu xúc tiếp cận, xúc chất thải rắn sinh hoạt và đưa lên thùng phương tiện vận chuyển;

- Phối hợp với lái xe để bố trí vị trí phương tiện phù hợp, bảo đảm khoảng cách an toàn giữa máy xúc và phương tiện vận chuyển;

- Đổ chất thải vào thùng xe theo từng lượt, phân bố đều tải trọng, không để chất thải rơi vãi hoặc vượt quá thành thùng;

- Không xúc vượt quá tải trọng hoặc dung tích cho phép của phương tiện vận chuyển;

- Trường hợp chất thải có vật cản hoặc vật liệu có kích thước lớn gây ảnh hưởng đến thiết bị, phải dừng máy và xử lý theo phương án phù hợp;

- Trong quá trình bốc xúc thực hiện các biện pháp hạn chế phát sinh bụi, mùi và rơi vãi chất thải;

- Sau khi phương tiện đầy, san gạt tương đối bằng phẳng bề mặt chất thải và phủ bạt kín trước khi vận chuyển;

- Thu gom chất thải rơi vãi tại khu vực bốc xúc, vệ sinh mặt bằng;

- Tiếp tục thực hiện công tác bốc xúc theo quy trình trên cho đến hết khối lượng hoặc hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển máy móc, thiết bị về vị trí tập kết hoặc nơi lưu giữ;

- Kiểm tra, vệ sinh máy móc, thiết bị và dụng cụ lao động;

- Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy sau khi kết thúc công việc;

- Tổng hợp khối lượng chất thải đã bốc xúc và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

g) Công tác thu gom các xe đẩy tay sau ca công tác về kho chứa để vệ sinh

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thực hiện thu gom các xe đẩy tay sau khi kết thúc ca công tác theo địa bàn, tuyến thu gom được phân công;

- Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ cần thiết phục vụ việc di chuyển, thu gom xe đẩy tay;

- Xác định tuyến đường và vị trí kho chứa xe đẩy tay theo quy định.

Thu gom xe đẩy tay sau ca công tác về kho chứa

- Sau khi hoàn thành ca công tác, người lao động thu gom xe đẩy tay tại các vị trí, tuyến đường được phân công; Kiểm tra, thu hồi đầy đủ các xe đẩy tay thuộc phạm vi quản lý, không để xe tại các vị trí công cộng sau khi kết thúc ca làm việc;

- Di chuyển xe đẩy tay theo tuyến đường phù hợp từ vị trí kết thúc công việc về kho chứa, bảo đảm an toàn trong quá trình di chuyển;

- Sắp xếp xe đẩy tay gọn gàng tại khu vực kho chứa theo vị trí quy định, không cản trở lối đi, phương tiện và các hoạt động khác. Trong quá trình thu gom, nếu phát hiện xe đẩy tay bị hư hỏng, mất bộ phận hoặc có dấu hiệu không bảo đảm an toàn, phải ghi nhận và báo cáo người phụ trách để xử lý;

Kết thúc ca làm việc

- Kiểm đếm, đối chiếu số lượng xe đẩy tay đã thu gom và đưa về kho chứa;

- Sắp xếp, tập kết xe đẩy tay đúng vị trí quy định. Kiểm tra khu vực sau khi hoàn thành việc thu gom, bảo đảm không còn xe đẩy tay thuộc phạm vi quản lý;

- Tổng hợp, báo cáo số lượng xe đã thu gom và tình trạng các xe có hư hỏng, mất mát hoặc cần sửa chữa.

- Bàn giao số lượng và tình trạng xe đẩy tay cho người quản lý hoặc ca làm việc tiếp theo.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật

a) Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp; di chuyển công cụ thu rác dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên hè phố, xúc hết rác trên đường phố trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc; di chuyển công cụ thu gom rác đến điểm tập kết rác và chuyển sang xe chuyên dùng; dọn sạch rác tại các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng; vệ sinh, tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.01: Công tác duy trì đường phố ban ngày bằng thủ công.

- Định biên, định mức

Bảng số 69

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn/km thực hiện)	
		CC1.01	
		Định biên	Định mức
1	Công tác duy trì đường phố ban ngày bằng thủ công	01 NC II.IV	1,020

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 70

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/km thực hiện)

				CC1.01
1	Chổi có cán	cái	06	1,020
2	Xẻng có cán	cái	12	1,020
3	Thiết bị báo hiệu	cái	06	1,020
4	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	1,020
5	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	1,020
6	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	1,020
7	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	1,020
8	Ủng cao su	đôi	12	0,510
9	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,510
10	Quần áo mưa	bộ	12	0,510
11	Áo phản quang	cái	12	1,020
12	Xe đẩy tay	chiếc	24	1,020
13	Giỏ cần xé	cái	12	1,020

Ghi chú:

Định mức này áp dụng cho các tuyến phố có yêu cầu duy trì vệ sinh đường phố ban ngày bằng thủ công với quy định thực hiện 2 bên lề.

Định mức này quy định hao phí nhân công công tác duy trì đường phố ban ngày bằng thủ công của đô thị loại II. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số (K_{KV}) tại bảng dưới đây:

Bảng số 71

TT	**Khu vực thu gom**	**Hệ số (K_{KV})**
1	Đô thị loại III, IV, V	0,941

2	Khu dân cư nông thôn tập trung	0,824
3	Miền núi, vùng cao có địa hình dốc	1,412

Định mức này không áp dụng đối với các tuyến phố có yêu cầu duy trì vệ sinh riêng (các tuyến phố cổ, tuyến phố văn minh thương mại, các tuyến phố thực hiện "điểm" về đảm bảo vệ sinh môi trường).

b) Công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công bao gồm các công đoạn sau:

Công tác quét, gom rác trên đường phố bằng thủ công: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc; cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp; quét rác trên đường phố, gom thành từng đống nhỏ; quét nước ứ đọng trên đường (nếu có); thu gom rác đống trên đường phố, vỉa hè; hốt xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa; di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dụng; dọn sạch các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng; vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

Công tác quét, gom rác trên hè bằng thủ công: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; di chuyển công cụ thu chứa đến nơi làm việc; cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp; quét rác trên vỉa hè, gom thành từng đống nhỏ; quét nước ứ đọng trên vỉa hè (nếu có); thu gom rác đống trên đường phố, vỉa hè; hốt xúc rác, cát bụi vào công cụ thu chứa; di chuyển công cụ thu chứa về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dụng; dọn sạch các điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng; vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.02: Công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công.

- Định biên, định mức

Bảng số 72

TT	**Hạng mục công việc**	**Định mức (công đơn/10.000 m^2)**		
		CC1.02		
		Định biên	**Định mức**	
			Quét đường	**Quét hè**

1	Công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công	01 NC II.IV	2,128	1,531
			10	20

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 73

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/10.000 m^2)	
				CC1.02	
1	Chổi có cán	cái	06	2,128	1,531
2	Xẻng có cán	cái	12	2,128	1,531
3	Thiết bị báo hiệu	cái	06	2,128	1,531
4	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	2,128	1,531
5	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	2,128	1,531
6	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	2,128	1,531
7	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	2,128	1,531
8	Ủng cao su	đôi	12	1,064	0,765
9	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	1,064	0,765
10	Quần áo mưa	bộ	12	1,064	0,765
11	Áo phản quang	cái	12	2,128	1,531
12	Xe đẩy tay	chiếc	24	2,128	1,531
13	Giỏ cần xé	cái	12	2,128	1,531

Ghi chú:

- Thời gian làm việc từ 18h00 hôm trước và kết thúc vào 6h00 sáng hôm sau.

- Định mức này áp dụng cho công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công với quy trình nghiệm thu khối lượng diện tích quét, gom rác trên vỉa hè (đối với quét hè) và 2m lòng đường mỗi bên đường kể từ mép ngoài của rãnh thoát nước (đối với quét đường).

- Định mức này quy định hao phí nhân công công tác quét, gom rác trên hè, đường phố bằng thủ công của đô thị loại II. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo hệ số (K_{KV}) tại bảng dưới đây:

Bảng số 74

TT	Khu vực thu gom	Hệ số (K_{KV})
1	Đô thị loại III, IV, V	0,941
2	Khu dân cư nông thôn tập trung	0,824
3	Miền núi, vùng cao có địa hình dốc	1,412

c) Công tác quét đường phố bằng cơ giới

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác quét đường phố bằng cơ giới bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động; xe ôtô quét hút theo đúng lịch trình quy định, tới điểm quét đỗ cách mép vỉa 0,2m - 0,3m, bật đèn công tác, kiểm tra các thông số trước khi cho xe vận hành; đảm bảo tốc độ xe khi quét hút đạt từ 4km/h - 5km/h; khi rác đầy thì tiến hành đổ phế thải đúng nơi quy định; hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.03: Công tác quét đường phố bằng cơ giới.

- Định biên, định mức

Bảng số 75

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn/km thực hiện)	
		CC1.03	
		Định biên	Định mức
1	Công tác quét đường phố bằng cơ giới	01 LX III	0,034

**. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 76

TT	Danh mục thiết bị	Dung tích	Mức tiêu hao (ca/km thực hiện)

			CC1.03
1	Ô tô quét hút 5m^3 - 7m^3	5m^3 - 7m^3	0,034

*. *Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 77

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/km thực hiện)
				CC1.03
1	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,034
2	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,034
3	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,034
4	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,034
5	Ủng cao su	đôi	12	0,017
6	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,017
7	Quần áo mưa	bộ	12	0,017
8	Áo phản quang	cái	12	0,034

*. *Định mức tiêu hao vật liệu*

Bảng số 78

TT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao cho 1km thực hiện
			CC1.03
1	Chổi quét hút	cái	0,003
2	Nước sạch	m^3	0,150

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 79

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/km thực hiện)

			CC1.03
1	Dầu diesel ô tô quét hút dung tích 5m^3 - 7m^3	lít	1,694

d) Công tác duy trì vệ sinh ngõ, xóm bằng thủ công

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác duy trì vệ sinh ngõ, xóm bằng thủ công bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp; di chuyển công cụ thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ túi rác lên xe gom; dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên công cụ thu chứa và di chuyển về vị trí tập kết quy định; dọn sạch rác rơi vãi tại điểm tập kết rác sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng; vệ sinh, tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.04: Công tác duy trì vệ sinh ngõ, xóm bằng thủ công.

- Định biên, định mức

Bảng số 80

TT	**Hạng mục công việc**	**Định mức (công đơn/km)**	
		CC1.04	
		Định biên	**Định mức**
1	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm bằng thủ công	01 NC II.IV	1,020

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 81

TT	**Danh mục dụng cụ**	**Đơn vị tính**	**THSD (tháng)**	**Mức tiêu hao (ca/km)**
				CC1.04
1	Chổi có cán	cái	06	1,020
2	Xẻng có cán	cái	12	1,020
3	Thiết bị báo hiệu	cái	06	1,020

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/km)
				CC1.04
4	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	1,020
5	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	1,020
6	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	1,020
7	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	1,020
8	Ủng cao su	đôi	12	0,510
9	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,510
10	Quần áo mưa	bộ	12	0,510
11	Áo phản quang	cái	12	1,020
12	Xe đẩy tay	chiếc	24	1,020
13	Giỏ cần xé	cái	12	1,020

**. Định mức tiêu hao vật liệu (*)*

Bảng số 82

TT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao cho 1km
			CC1.04
1	Bao tải 25kg	cái	3,000

Ghi chú:

(*): Đối với ngõ xóm có chiều rộng < 1,5m xe cải tiến không thể tiếp cận thì được bổ sung vật liệu bao tải 25kg với hao phí 3 cái/1km.

- Định mức này quy định hao phí nhân công công tác duy trì vệ sinh ngõ, xóm bằng thủ công của đô thị loại II. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số (K_{KV}) tại bảng dưới đây:

Bảng số 83

TT	Khu vực thu gom	Hệ số (K_{KV})

1	Đô thị loại III, IV, V	0,941
2	Khu dân cư nông thôn tập trung	0,824
3	Miền núi, vùng cao có địa hình dốc	1,412

đ) Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bao gồm:

Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp; cào rác từ bể chứa rác hoặc đống rác, xúc lên công cụ thu chứa di chuyển ra điểm tập kết rác lên ôtô, quét dọn xung quanh bể rác và đống rác, phủ bạt kín trước khi xe chạy; cuối ca vệ sinh dụng cụ, phương tiện xúc rác, cất vào nơi quy định; vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc rác; lái xe xúc điều khiển, vun gọn lượng rác vào điểm tập trung; xúc rác lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe; điều khiển gàu xúc vun gọn rác trên xe tải ben; tiếp tục xúc rác cho các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc; hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi quy định, giao ca.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 02 loại công việc:

CC1.05: Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công.

CC1.06: Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới.

- Định biên, định mức

Bảng số 84

TT	**Hạng mục công việc**	**Định mức (công đơn/tấn)**			
		CC1.05		**CC1.06**	
		Định biên	**Định mức**	**Định biên**	**Định mức**

1	Công tác xúc chất thải rắn sinh hoạt tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển	01 NC II.IV	0,698	01 LX III 01 NC II.IV	0,0089

*. *Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 85

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/tấn)	
				CC1.05	CC1.06
1	Chổi có cán	cái	06	0,698	0,0089
2	Xẻng có cán	cái	12	0,698	0,0089
3	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,698	0,0178
4	Thiết bị báo hiệu	cái	06	0,698	-
5	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,698	0,0178
6	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,698	0,0178
7	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,698	0,0178
8	Ủng cao su	đôi	12	0,349	0,0089
9	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,349	0,0089
10	Quần áo mưa	bộ	12	0,349	0,0089
11	Áo phản quang	cái	12	0,698	0,0178

*. *Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 86

TT	Danh mục thiết bị	Công suất	Mức tiêu hao (ca/tấn)
			CC1.06
1	Máy xúc	16 tấn/giờ	0,0089

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 87

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/tấn)

			CC1.06
1	Dầu diesel vận hành máy xúc công suất 16 tấn/giờ	lít	1,194

e) Công tác thu gom các xe đẩy tay sau ca công tác về kho chứa để vệ sinh

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác thu gom các xe đẩy tay sau ca công tác về kho chứa để vệ sinh bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; di chuyển đến các vị trí bố trí xe đẩy tay sau khi kết thúc ca công tác; kiểm tra, tập trung và thu gom xe đẩy tay tại các vị trí làm việc; sắp xếp, nâng và đưa xe đẩy tay lên xe tải để vận chuyển về kho chứa để vệ sinh; trong quá trình thu gom, kiểm tra tình trạng xe đẩy tay, bảo đảm không còn chất thải, nước rỉ rác hoặc vật dụng khác trong thùng chứa; sắp xếp xe gọn gàng trên phương tiện, bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển và hạn chế chất thải rơi vãi; vệ sinh, tập trung dụng cụ lao động và phương tiện về nơi quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.07: Công tác thu gom các xe đẩy tay sau ca công tác về kho chứa để vệ sinh.

- Định biên, định mức

Bảng số 88

TT	**Hạng mục công việc**	**Định mức (công nhóm/100xe)**	
		CC1.07	
		Định biên	**Định mức**
1	Công tác thu gom các xe đẩy tay sau ca công tác về kho chứa để vệ sinh	01 LX III 01 NC II.IV	0,668

**. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 89

TT	**Danh mục thiết bị**	**Đơn vị tính**	**Mức tiêu hao (ca/100 xe)**
			CC1.07
1	Ôtô tải thùng có mui, tải trọng 14 tấn	chiếc	0,668

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 90

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/100 xe)
				CC1.07
1	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	1,336
2	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	1,336
3	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	1,336
4	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	1,336
5	Ủng cao su	đôi	12	0,668
6	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,668
7	Quần áo mưa	bộ	12	0,668
8	Áo phản quang	cái	12	1,336

**. Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 91

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/100 xe)
			CC1.07
1	Dầu diesel vận hành ô tô tải thùng có mui, tải trọng 14 tấn	lít	30,738

Điều 24. Duy trì dải phân cách bằng thủ công; tưới rửa, rửa đường và vận hành hệ thống bơm nước cấp nước rửa đường; tua vỉa hè, dọn phế thải; vớt rác bằng cơ giới; vệ sinh thùng thu gom rác thải sinh hoạt và quét dọn nhà vệ sinh công cộng

1. Quy trình kỹ thuật

a) Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động duy trì dải phân cách đường phố theo địa bàn được giao;

- Chuẩn bị bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…), chổi, xẻng và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra phương tiện thu gom và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, đảm bảo điều kiện làm việc và bảo vệ môi trường theo quy định.

Duy trì thủ công dải phân cách

- Dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m mỗi bên tính từ mép ngoài dải phân cách. Nếu trên đường có các vũng nước đọng dùng chổi quét tạt cho hết nước đọng và thu sạch bùn, đất, rác;

- Đối với dải phân cách mềm, yêu cầu luồn chổi qua kẽ các thanh chắn quét cả phần đường đặt dải phân cách;

- Đối với chất thải xây dựng hoặc các loại chất thải đổ trộm: Nếu là các túi nhỏ thì dọn vào các thùng rác để gần hoặc phối hợp với xe ô tô chuyên dùng thu gom. Nếu là khối lượng lớn thì thu dọn theo phương án khác phù hợp;

- Chất thải được thu dọn và được thu gom về điểm tập kết tại các vị trí thích hợp hạn chế ảnh hưởng đến cảnh quan, giao thông. Chất thải rắn được vận chuyển ngay trong ngày bởi các xe ô tô chuyên dụng theo lịch trình duy trì. Lưu ý khi phát hiện xác động vật, dừng thu gom tại vị trí đó và báo ngay UBND cấp xã và cơ quan thú y theo quy định.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện thu gom, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện;

- Tổng hợp thông tin thực hiện công việc trong ca làm việc. Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện thu gom, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

b) Công tác tưới nước, rửa đường

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động và phương tiện thực hiện công tác tưới nước rửa đường theo địa bàn được giao;

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…) và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra phương tiện đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường theo quy định.

Tưới nước rửa đường

- Xe ô tô rửa đường di chuyển từ điểm tập kết đến điểm lấy nước đúng vị trí quy định, các van phải được khóa, vòi phun phải được thông và để ở vị trí cao. Để miệng téc đúng họng nước, khi téc đầy khóa van họng nước, đậy nắp téc, khóa chặt;

- Xe ô tô rửa đường đi đến vị trí duy trì theo lịch trình được phân công, tốc độ rửa trung bình từ 10-15km/giờ hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Tùy

thuộc vào bề rộng của mặt đường (đối với tuyến có dải phân cách cứng thì tính theo chiều rộng của mỗi bên) để bố trí phương án rửa đường cho phù hợp;

- Thực hiện sau khi mặt đường đã hoàn thành công tác quét hè và đường phố. (Đối với vị trí công trình xây dựng: Mặt đường phải được nạo vét và thu dọn sạch đất, phế thải xây dựng trước khi rửa đường;

- Trong quá trình thực hiện: điều chỉnh áp lực bơm và độ chếch các béc phun phù hợp với hiện trạng mặt đường, đảm bảo rửa sạch đất, cát, bụi...

- Khi xả hết téc nước, xe về điểm lấy nước và lặp lại thao tác như trên;

- Sau khi hoàn thành công việc xoay béc lên phía trên để tránh vỡ khi gặp ổ gà.

- Tiếp tục thực hiện quy trình như trên cho đến hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện rửa đường, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện;

- Tổng hợp thông tin thực hiện công việc trong ca làm việc. Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

c) Công tác vận hành hệ thống bơm nước cấp nước rửa đường

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thực hiện công tác vận hành hệ thống bơm nước;

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…) và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra máy móc, thiết bị đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường

- Đóng cầu dao điện bơm nước vào thùng/bể chứa;

- Bơm nước khi xe đến lấy nước;

- Định kỳ bảo dưỡng động cơ máy bơm nước, téc chứa nước, họng hút, đồng hồ đo lưu lượng nước.

Kết thúc ca làm việc

- Vệ sinh môi trường, máy móc thiết bị khi hết ca làm việc;

- Thống kê, báo cáo các thông tin, số liệu vận hành theo quy định. Kiểm tra, bàn giao máy móc, thiết bị, vật liệu, dụng cụ lao động cho ca tiếp theo.

d) Công tác tua vỉa hè, dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thực hiện công tác tua vỉa hè, quét, thu gom chất thải rắn phế thải ở gốc cây, chân cột điện, miệng cống hàm ếch theo địa bàn được giao;

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…), chổi, xẻng và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra phương tiện thu gom và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Tua vỉa hè, dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch

- Cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp;

- Dùng chổi tua sạch thành vỉa và mặt vỉa. Khi quét gờ vỉa kết hợp tua lại lòng vỉa một lần nữa để vỉa sạch và thoát nước. Dùng chổi gom chất thải rắn ở miệng hàm ếch và dùng xẻng gom, xúc chất thải rắn ở miệng hàm ếch. Thành vỉa phải sạch sẽ không có đất cát, rêu bám đối với vỉa khô, thông thoáng nước đối với vỉa ướt;

- Dọn sạch chất thải rắn, phế thải ở gốc cây, chân cột điện (khối lượng phế thải < 0,5m^3) (nếu có), bấm nhổ cỏ xung quanh (nếu có), phát cây 2 bên vỉa hè (nếu có). Xúc rác lên phương tiện thu gom;

- Di chuyển phương tiện thu gom về điểm tập kết để chuyển chất thải sang phương tiện chuyên dùng; Dọn sạch các điểm tập kết sau khi chuyển chất thải sang xe chuyên dùng;

- Tiếp tục thực hiện quy trình như trên cho đến hết ca làm việc. Trong suốt quá trình thực hiện công tác tua vỉa hè, thu dọn chất thải rắn ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch phải có các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông. Lưu ý khi phát hiện xác động vật, dừng thu gom tại vị trí đó và báo ngay UBND cấp xã và cơ quan thú y theo quy định.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện thu gom, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện;

- Tổng hợp thông tin thực hiện công việc trong ca làm việc. Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện thu gom, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo.

đ) Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương, ao, hồ, sông, suối bằng cơ giới

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thu gom chất thải rắn trên biển lên phương tiện thu gom.

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...) và các dụng cụ lao động cần thiết khác.

- Kiểm tra phương tiện thu gom, vận chuyển và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Vớt rác trên mặt kênh, mương, ao, hồ, sông, suối

- Di chuyển phương tiện thu gom từ điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện đến vị trí cần duy trì vệ sinh, vớt, gom chất thải theo lịch trình được phân công.

- Phương tiện thu gom di chuyển đến các khu vực cần duy trì, nhân công sử dụng dụng cụ thủ công đứng trên tàu vớt chất thải rắn trôi nổi, phân loại và cho lên phương tiện thu gom, tiếp tục di chuyển đến các khu vực cần duy trì đến khi đầy phương tiện thu gom, đủ trọng tải.

- Vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải thu gom được đến địa điểm tập kết đã quy định; nhân công phối hợp vận chuyển chất thải rắn từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển.

- Trong quá trình thu gom, cần phân loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế riêng để bàn giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng.

- Sau khi vận chuyển hết chất thải rắn, di chuyển phương tiện đến vị trí thu gom, vớt chất thải tiếp theo, lặp lại công việc đến hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện thu gom, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện.

- Vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định.

e) Công tác vệ sinh thùng thu gom rác thải sinh hoạt

Công tác chuẩn bị

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…), và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra các thiết bị cần thiết đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Vệ sinh thùng thu gom rác thải sinh hoạt

- Di chuyển phương tiện đến địa điểm đặt thùng.

- Xếp thùng ngay ngắn, bảo đảm ổn định trong quá trình thao tác.

- Dùng giẻ lau, bàn chải cước, xà phòng cọ rửa thùng.

- Lau khô bên ngoài thùng, xịt thuốc khử mùi bên trong thùng.

- Thu gom nước thải, chất bẩn phát sinh trong quá trình vệ sinh; không để nước thải chảy tràn ra đường phố, khu vực công cộng hoặc nguồn tiếp nhận không phù hợp.

- Tiếp tục thực hiện quy trình vệ sinh như trên cho đến khi hoàn thành toàn bộ số lượng thùng được giao hoặc hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Thu gom, sắp xếp dụng cụ, vật tư phục vụ công tác vệ sinh

- Bàn giao phương tiện, dụng cụ, vật tư và tình trạng thực hiện công việc cho người phụ trách hoặc ca làm việc tiếp theo.

g) Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động duy trì nhà vệ sinh công cộng;

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...), chổi, xẻng, giấy vệ sinh, xà phòng, nước cọ rửa và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra tình trạng kỹ thuật (biển hiệu, biển báo, đèn chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió) và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, đảm bảo tình trạng hoạt động bình thường và bảo vệ môi trường theo quy định;

- Đối với các nhà vệ sinh công cộng có chất thải nguy hại: phải trang bị đầy đủ dụng cụ lưu chứa chuyên dụng: thùng chứa có nắp đậy kín, có dán nhãn theo quy định (dung tích 5 – 10 lít), có túi chứa rác bên trong và có kìm gắp để thu gom chất thải nguy hại đảm bảo an toàn.

Quét dọn nhà vệ sinh

- Quét dọn phế thải bên trong, xung quanh nhà vệ sinh và trên đường vào nhà vệ sinh; Duy trì vệ sinh sạch sẽ các hạng mục vệ sinh; Hàng ngày vẩy thuốc sát trùng và dầu xả. Nhà vệ sinh công cộng không có mùi hôi, ruồi muỗi, không có phế thải vứt bừa bãi trong và ngoài nhà vệ sinh;

- Vận hành các thiết bị của nhà vệ sinh: Vận hành biển hiệu, biển báo, đèn chiếu sáng, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông gió và các thiết bị cần thiết khác đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng của khách. Các hạng mục vệ sinh sạch sẽ, duy trì hoạt động tốt, an toàn;

- Khi có sự cố phải báo ngay cho cán bộ quản lý để có biện pháp ngăn chặn, sửa chữa kịp thời. Khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật, trật tự công cộng phải báo ngay cho cơ quan công an gần nhất hoặc cơ quan chức năng để can thiệp kịp thời.

Kết thúc ca làm việc

- Kiểm tra, vệ sinh, tập kết dụng cụ lao động vào vị trí quy định;

- Tổng hợp số lượng khách trong ca ghi vào sổ nhật ký. Thực hiện bàn giao chi tiết về tài sản, công cụ dụng cụ và tình hình quản lý cho người làm ca sau.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật

a) Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; di chuyển dụng cụ thu chứa đến nơi làm việc; đặt biển báo cảnh giới an toàn giao thông; dùng chổi quét sạch đường sát dải phân cách có chiều rộng là 1,5m; vun gọn thành đống, xúc lên xe gom. Đối với dải phân cách mềm: luồn chổi qua kẽ các thanh chắn quét sạch cả phần đường đặt dải phân cách; đẩy công cụ thu rác về điểm tập kết rác để chuyển sang xe chuyên dùng; dọn sạch các điểm tập kết sau khi chuyển rác sang xe chuyên dùng; vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.08: Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công.

- Định biên, định mức

Bảng số 92

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn/km thực hiện)	
		CC1.08	
		Định biên	Định mức
1	Công tác duy trì dải phân cách bằng thủ công	01 NC II.IV	0,677

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 93

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/km thực hiện)

				CC1.08
1	Chổi có cán	cái	06	0,677
2	Xẻng có cán	cái	12	0,677
3	Thiết bị báo hiệu	cái	06	0,677
4	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,677
5	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,677
6	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,677
7	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,677
8	Ủng cao su	đôi	12	0,338
9	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,338
10	Quần áo mưa	bộ	12	0,338
11	Áo phản quang	cái	12	0,677
12	Xe đẩy tay	chiếc	24	0,677
13	Giỏ cần xé	cái	12	0,677

Ghi chú:

- Định mức này áp dụng cho công tác duy trì dải phân cách tại các đô thị có yêu cầu duy trì dải phân cách trên đường phố (dải phân cách cứng, dải phân cách mềm).

- Định mức này quy định hao phí nhân công công tác duy trì dải phân cách của đô thị loại II. Đối với các đô thị khác, định mức được điều chỉnh theo các hệ số (K_{KV}) tại bảng dưới đây:

Bảng số 94

TT	Khu vực thu gom	Hệ số (K_{KV})
1	Đô thị loại III. IV, V	0,941
2	Khu dân cư nông thôn tập trung	0,824
3	Miền núi, vùng cao có địa hình dốc	1,412

b) Công tác tưới nước, rửa đường

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác tưới nước, rửa đường bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và trang thiết bị bảo hộ lao động; xe lấy nước vào đúng vị trí quy định, các van phải được khóa, vòi phun phải được thông và để ở vị trí cao; để miệng téc đúng họng nước, khi téc đầy khoá van họng nước, đậy nắp téc, khoá chặt; xe ô tô đến điểm rửa đi với tốc độ 6km/giờ, béc chếch 5°, áp lực phun nước 5kg/cm^{2}; tiến hành phun tưới nước rửa đường theo đúng lộ trình quy định; sau khi xả hết téc nước xe về điểm lấy nước và lặp lại thao tác như trên; sau khi hoàn thành công việc xoay béc lên phía trên để tránh vỡ khi gặp ổ gà; hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.09: Công tác tưới nước, rửa đường.

- Định biên, định mức

Bảng số 95

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn/km)		
		CC1.09		
		Định biên	Định mức	
			Ô tô tưới nước 7m^3	Ô tô tưới nước 5m^3
1	Công tác tưới nước rửa đường	01 LX III	0,199	0,279

**. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 96

TT	Danh mục thiết bị	Dung tích	Mức tiêu hao (ca/km)
			CC1.09
1	Xe ô tô tưới nước	7 m^3	0,199
1	Xe ô tô tưới nước	5 m^3	0,279

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 97

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/km)
				CC1.09

				Ô tô tưới nước 7m^3	Ô tô tưới nước 5m^3
1	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,199	0,279
2	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,199	0,279
3	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,199	0,279
4	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,199	0,279
5	Ủng cao su	đôi	12	0,100	0,140
6	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,100	0,140
7	Quần áo mưa	bộ	12	0,100	0,140
8	Áo phản quang	cái	12	0,199	0,279

*. *Định mức tiêu hao vật liệu*

Bảng số 98

TT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (m^3/km)	
			CC1.09	
			Ô tô tưới nước 7m^3	Ô tô tưới nước 5m^3
1	Nước thô	m^3	7,000	7,000

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 99

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/km)	
			CC1.09	
			Ô tô tưới nước 7m^3	Ô tô tưới nước 5m^3
1	Dầu diesel vận hành xe ô tô tưới nước	lít	5,183	6,408

c) Công tác vận hành hệ thống bơm nước cấp nước rửa đường

*. *Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác vận hành hệ thống bơm nước cấp nước rửa đường bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ; kiểm tra cầu dao, hệ thống đường ống, téc chứa nước, đồng hồ đo lưu lượng nước, máy bơm bảo đảm trạng thái hoạt động tốt; đóng cầu dao điện bơm nước lên téc; đóng mở van xả nước khi xe đến lấy nước; định kỳ bảo dưỡng động cơ máy bơm, téc chứa nước, họng hút, đồng hồ đo lưu lượng nước; hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.10: Công tác vận hành hệ thống bơm nước cấp nước rửa đường.

- Định biên, định mức

Bảng số 100

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn/100m^3)	
		CC1.10	
		Định biên	Định mức
1	Công tác vận hành hệ thống bơm cấp nước rửa đường	01 NC II.IV	0,449

**. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 101

TT	Danh mục thiết bị	Công suất	Mức tiêu hao (ca/100m^3)
			CC1.10
1	Máy bơm công suất 24kW	24kW	0,131

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 102

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/100m^3)
				CC1.10
1	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,449
2	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,449
3	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,449
4	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,449

5	Ủng cao su	đôi	12	0,224
6	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,224
7	Quần áo mưa	bộ	12	0,224
8	Áo phản quang	cái	12	0,449

**. Định mức tiêu hao năng lượng*

Bảng số 103

TT	**Danh mục năng lượng**	**Đơn vị tính**	**Mức tiêu hao (kWh/100m^3)**
			CC1.10
1	Điện vận hành máy bơm	kWh	6,553

d) Công tác tua vỉa hè, dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác tua vỉa hè, dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; cảnh giới, đảm bảo an toàn giao thông trong khi tác nghiệp; dùng xẻng, chổi tua sạch thành vỉa và vỉa. Dùng chổi gom rác ở miệng hàm ếch và dùng xẻng gom, xúc rác ở miệng hàm ếch; dọn sạch rác, phế thải ở gốc cây, cột điện (khối lượng phế thải < 0,5m^3) (nếu có); bấm nhổ cỏ xung quanh (nếu có); phát cây 2 bên vỉa hè (nếu có), xúc rác lên phương tiện chứa; di chuyển công cụ thu rác về điểm tập kết để chuyển rác sang xe chuyên dùng; vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.11: Công tác tua vỉa hè, dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch.

- Định biên, định mức

Bảng số 104

TT	**Hạng mục công việc**	**Định mức (công đơn/km thực hiện)**	
		CC1.11	
		Định biên	**Định mức**

1	Công tác tua vỉa hè, dọn phế thải ở gốc cây, cột điện, miệng cống hàm ếch	01 NC II.IV	0,80

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 105

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/km thực hiện)
				CC1.11
1	Chổi có cán	cái	06	0,800
2	Xẻng có cán	cái	12	0,800
3	Cào có cán	cái	12	0,800
4	Thiết bị báo hiệu	cái	06	0,800
5	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,800
6	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,800
7	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,800
8	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,800
9	Ủng cao su	đôi	12	0,400
10	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,400
11	Quần áo mưa	bộ	12	0,400
12	Áo phản quang	cái	12	0,800
13	Xe đẩy tay	chiếc	24	0,800
14	Giỏ cần xé	cái	12	0,800

đ) Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương, ao, hồ, sông, suối bằng cơ giới

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương, ao, hồ, sông, suối bằng cơ giới bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động; di chuyển phương tiện đến địa điểm vớt rác; công nhân dùng vợt lưới đứng trên cầu phao vớt rác, dùng sào đẩy rác ra tầm thu của cánh thu rác; gấp túi khi rác đầy, tra móc, điều chỉnh lưới rác lên Tàu, công việc được tiếp diễn; khi túi lên tầu được đưa đến vị trí tiếp nhận, thực hiện các thao tác đưa rác vào phương tiện chứa; làm sạch túi lưới, các thao tác được tiếp diễn đến hết ca làm

việc; hết ca đưa phương tiện về bến đậu vệ sinh phương tiện, giao tầu ghe cho người trực.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.12: Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương, ao, hồ, sông, suối bằng cơ giới.

- Định biên, định mức

Bảng số 106

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công nhóm/ha)	
		CC1.12	
		Định biên	Định mức
1	Công tác vớt rác trên mặt kênh, mương, ao, hồ, sông, suối bằng cơ giới	01 TT II.II 03 NC II.IV	0,711

**. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 107

TT	Danh mục thiết bị	Công suất	Mức tiêu hao (ca/ha)
			CC1.12
1	Tàu vớt rác 24 CV	24CV	0,237

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 108

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/ha)
				CC1.12
1	Vợt cán dài	cái	06	0,474
2	Chổi có cán	cái	06	0,474
3	Xẻng có cán	cái	12	0,474
4	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,948
5	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,948
6	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,948
7	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,948
8	Ủng cao su	đôi	12	0,474
9	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,474

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/ha)
				CC1.12
10	Quần áo mưa	bộ	12	0,474

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 109

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/ha)
			CC1.12
1	Dầu diesel vận hành tàu vớt rác 24CV	lít	1,187

e) Công tác vệ sinh thùng thu gom rác thải sinh hoạt

*. *Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác vệ sinh thùng thu gom rác thải sinh hoạt bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; di chuyển phương tiện đến địa điểm đặt thùng; xếp thùng ngay ngắn, đúng vị trí đặt thùng; dùng giẻ lau, bàn chải cước, xà phòng cọ rửa thùng; lau khô bên ngoài thùng; tiếp tục công việc cho đến hết ca làm việc; hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.13: Công tác vệ sinh thùng thu gom rác thải sinh hoạt.

- Định biên, định mức

Bảng số 110

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn/thùng)	
		CC1.13	
		Định biên	Định mức
1	Công tác vệ sinh thùng thu gom rác thải sinh hoạt	01 NC II.IV	0,0189

*. *Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 111

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/thùng)
				CC1.13

1	Bàn chải	cái	01	0,0189
2	Khăn lau	cái	01	0,0189
3	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,0189
4	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,0189
5	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,0189
6	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,0189
7	Ủng cao su	đôi	12	0,0095
8	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,0095
9	Quần áo mưa	bộ	12	0,0095
10	Cây cọ rửa thùng	cái	06	0,0189

**. Định mức tiêu hao vật liệu*

Bảng số 112

TT	**Danh mục vật liệu**	**Đơn vị tính**	**Mức tiêu hao cho 1 thùng**
			CC1.13
1	Nước sạch	m^3	0,0335
2	Hóa chất tẩy rửa	lít	0,008

g) Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ tại nơi làm việc; vệ sinh rác thải khuôn viên nhà vệ sinh; chà rửa, vệ sinh các bồn cầu, lavabo, gương và các dụng cụ khác; bảo vệ tài sản thuộc phạm vi nhà vệ sinh.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC1.14: Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng.

- Định biên, định mức

Bảng số 113

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn/Hố xí, bệ tiểu)	
		CC1.14	
		Định biên	Định mức
1	Công tác quét dọn nhà vệ sinh công cộng	01 NC II.IV	0,375

*. *Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 114

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/ Hố xí, bệ tiểu)
				CC1.14
1	Chổi có cán	cái	06	0,375
2	Xẻng có cán	cái	12	0,375
3	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,375
4	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,375
5	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,375
6	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,375
7	Ủng cao su	đôi	12	0,375

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 115

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao cho 1 hố xí, bệ tiểu
			CC1.14
1	Giấy vệ sinh	cuộn	1,250
2	Xà phòng	lít	0,250
3	Nước tẩy rửa	lít	0,500
4	Nước sạch	m^3	0,300
5	Điện thắp sáng	kWh	0,100

Điều 25. Duy trì vệ sinh trên biển

1. Quy trình kỹ thuật

a) Công tác thu gom rác trên bờ biển bằng thủ công

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thu gom, nhặt, vớt chất thải rắn ven bờ lên phương tiện thu gom.

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...) và các dụng cụ lao động cần thiết khác.

- Kiểm tra phương tiện thu gom và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Thu gom rác trên bờ biển

- Di chuyển phương tiện thu gom, nhặt, vớt chất thải từ điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện đến vị trí thu gom theo lịch trình được phân công, di chuyển dọc ven bờ vịnh tới các khu vực xuất hiện chất thải rắn trôi nổi dạt vào bờ.

- Đối với những khu vực dọc bờ biển có bãi cát, bãi đất, người công nhân đi bộ nhặt, gom chất thải rắn. Với khu vực dọc bờ biển nước cạn hoặc đông tàu bè neo đậu, người công nhân kết hợp sử dụng mủng nan chèo tay và sào, vợt lưới vớt chất thải rắn. Chất thải rắn được tập hợp đưa lên phương tiện thu gom cho đến khi đạt dung tích chứa tối đa của phương tiện thu gom hoặc di chuyển đến địa điểm tiếp theo để thu gom, nhặt, vớt chất thải rắn cho đến khi bờ biển đạt yêu cầu vệ sinh.

- Vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải thu gom được đến địa điểm tập kết đã quy định, nhân công phối hợp vận chuyển chất thải rắn từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển. Trong quá trình thu gom, cần phân loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế riêng để bàn giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng. Lưu ý khi phát hiện cá, thủy sản hoặc động vật chết số lượng lớn, bất thường dạt bờ hoặc trôi nổi thì dừng thu gom khu vực đó, không đưa lên phương tiện chung với rác; báo ngay cơ quan thú y, thủy sản và chính quyền địa phương theo quy định.

- Sau khi vận chuyển hết chất thải rắn lên bờ, di chuyển phương tiện đến vị trí vớt chất thải rắn, lặp lại công việc đến hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện thu gom, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện.

- Vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định.

b) Công tác thu gom rác trên bờ biển bằng cơ giới (sàng cát bằng máy chuyên dụng)

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người điều khiển máy chuyên dụng thực hiện công tác sàng cát, thu gom chất thải trên bờ biển theo khu vực được giao;

- Chuẩn bị đầy đủ bảo hộ lao động và các dụng cụ cần thiết;

- Kiểm tra máy sàng cát chuyên dụng, hệ thống sàng, bánh xe, bộ phận thu gom, và các thiết bị an toàn trước khi vận hành;

- Kiểm tra khu vực bãi biển, xác định phạm vi thực hiện

Thu gom rác trên bờ biển bằng cơ giới

- Di chuyển máy chuyên dụng từ điểm tập kết đến khu vực bãi biển cần duy trì vệ sinh theo lịch trình được phân công;

- Điều khiển máy di chuyển với tốc độ phù hợp trên bề mặt cát, thực hiện thu gom và sàng lớp cát theo khả năng làm việc của máy;

- Thực hiện các đường chạy liên tục, có khoảng cách phù hợp, bảo đảm phạm vi bãi biển được sàng lọc đầy đủ và hạn chế bỏ sót chất thải;

- Thường xuyên quan sát chất lượng sàng cát phía sau máy để điều chỉnh tốc độ di chuyển và chế độ làm việc phù hợp;

- Khi thùng chứa chất thải đầy hoặc đạt giới hạn cho phép, dừng máy tại vị trí an toàn và chuyển chất thải đến điểm tập kết quy định;

- Trong quá trình vận hành phải bảo đảm an toàn cho người dân, khách du lịch, người lao động và các phương tiện khác hoạt động trên bãi biển;

- Không vận hành máy tại khu vực có địa hình không bảo đảm an toàn, nền cát quá mềm hoặc có nguy cơ gây lún, nghiêng máy;

- Tiếp tục thực hiện sàng cát, thu gom chất thải theo quy trình trên cho đến hết khu vực được giao hoặc hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Sau khi hoàn thành công việc, đưa máy về vị trí tập kết hoặc nơi lưu giữ;

- Làm sạch cát, rác và chất thải bám trên máy, đặc biệt tại bộ phận sàng, băng tải, thùng chứa;

- Tổng hợp khối lượng chất thải đã thu gom và thực hiện bàn giao phương tiện, thiết bị cho ca làm việc tiếp theo.

c) Công tác thu gom, vớt rác trôi nổi trên biển

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thu gom chất thải rắn trên biển lên phương tiện thu gom.

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...) và các dụng cụ lao động cần thiết khác.

- Kiểm tra phương tiện thu gom, vận chuyển và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Thu gom, vớt rác trôi nổi trên biển

- Di chuyển phương tiện thu gom từ điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện đến vị trí cần duy trì vệ sinh, vớt, gom chất thải theo lịch trình được phân công.

- Phương tiện thu gom di chuyển đến các khu vực cần duy trì, nhân công sử dụng dụng cụ thủ công đứng trên tàu vớt chất thải rắn trôi nổi, phân loại và cho lên phương tiện thu gom, tiếp tục di chuyển đến các khu vực cần duy trì đến khi đầy phương tiện thu gom, đủ trọng tải.

- Vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải thu gom được đến địa điểm tập kết đã quy định; nhân công phối hợp vận chuyển chất thải rắn từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển. Trong quá trình thu gom, cần phân loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế riêng để bàn giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng. Lưu ý khi phát hiện cá, thủy sản hoặc động vật chết số lượng lớn, bất thường dạt bờ hoặc trôi nổi thì dừng thu gom khu vực đó, không đưa lên phương tiện chung với rác; báo ngay cơ quan thú y, thủy sản và chính quyền địa phương theo quy định.

- Sau khi vận chuyển hết chất thải rắn, di chuyển phương tiện đến vị trí thu gom, vớt chất thải tiếp theo, lặp lại công việc đến hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện thu gom, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện.

- Vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định.

d) Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên biển vào điểm tập kết trên bờ bằng cơ giới

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động vận chuyển chất thải rắn trên biển.

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...) và các dụng cụ lao động cần thiết khác.

- Kiểm tra phương tiện vận chuyển và các thiết bị cần thiết khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

Vận chuyển chất thải rắn trên biển vào điểm tập kết trên bờ

- Di chuyển phương tiện vận chuyển từ điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện đến vị trí tiếp nhận chất thải rắn theo quy định.

- Đối với chất thải từ lồng bè nuôi trồng thủy sản, di chuyển phương tiện đến từng lồng bè nuôi trồng thủy sản để tiếp nhận và thu gom vào bao tải 50kg sau đó vận chuyển về điểm tập kết chất thải trên bờ;

- Phương tiện vận chuyển di chuyển đến các khu vực tiếp nhận chất thải rắn, tiếp nhận chất thải rắn từ các xuồng vớt chất thải để vận chuyển vào điểm tập kết chất thải rắn trên bờ, phương tiện vận chuyển tiếp tục di chuyển đến các điểm tiếp nhận theo quy định đến khi đầy phương tiện/ đủ trọng tải.

- Khi phương tiện vận chuyển cập bến, công nhân phối hợp vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải trên phương tiện vận chuyển lên bờ.

- Trong quá trình tiếp nhận chất thải rắn, cần phân loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế riêng để bàn giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng.

- Sau khi vận chuyển hết chất thải rắn, di chuyển phương tiện đến vị trí tiếp nhận chất thải rắn tiếp theo theo quy định, lặp lại công việc đến hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện.

- Vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định.

đ) Vận chuyển phao xốp từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động vận chuyển phao xốp từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận; người lao động điều khiển phương tiện vận chuyển;

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,…) và các thiết bị khác;

- Kiểm tra phương tiện vận chuyển (xe ô tô tải thùng, xe ô tô chuyên dùng khác đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, giao thông vận tải và bảo vệ môi trường theo quy định;

Vận chuyển phao xốp từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận

- Di chuyển phương tiện vận chuyển từ điểm lưu giữ phương tiện đến điểm tiếp nhận phao xốp theo lịch trình. Dừng phương tiện, phát tín hiệu dừng đỗ, đảm bảo an toàn giao thông;

- Công nhân hỗ trợ phối hợp vận chuyển, sắp xếp các khối phao xốp lên phương tiện vận chuyển gọn gàng, tiết kiệm diện tích tối đa; di chuyển đến điểm

thu gom tiếp theo để tiếp nhận chất thải đến khi đạt tải trọng hoặc thể tích chứa của phương tiện vận chuyển;

- Di chuyển phương tiện vận chuyển đến cơ sở tiếp nhận theo lịch trình, phù hợp với kế hoạch tiếp nhận chất thải của cơ sở tiếp nhận; xuất trình lệnh vận chuyển; nhận phiếu cân giao nhận chất thải; chuyển chất thải vào đúng vị trí theo quy định của cơ sở tiếp nhận; qua trạm rửa xe để đảm bảo vệ sinh môi trường trước khi ra khỏi cơ sở xử lý;

- Tiếp tục di chuyển phương tiện vận chuyển theo quy trình kỹ thuật tại điểm này cho đến hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện vận chuyển về điểm lưu giữ phương tiện;

- Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện vận chuyển, dụng cụ lao động vào vị trí quy định và bàn giao cho ca làm việc tiếp theo;

e) Bốc xúc chất thải rắn sinh hoạt từ tàu lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động để xúc chất thải rắn từ phương tiện thu gom hoặc phương tiện vận chuyển đậu tại bến;

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang,...) và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

- Kiểm tra phương tiện đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, an toàn giao thông vận tải và bảo vệ môi trường theo quy định.

Bốc xúc chất thải rắn từ phương tiện thu gom hoặc vận chuyển dưới bến lên bờ tại điểm tập kết bằng cơ giới

- Lái xe xúc điều khiển gầu vào vị trí tiếp nhận chất thải trên tàu, chờ công nhân vận chuyển chất thải rắn trên tàu vào gầu xúc đến khi đủ tải trọng hoặc thể tích gầu, lái xe điều khiển gầu đưa chất thải rắn lên vị trí tập kết trên bờ, vun gọn chất thải rắn;

- Tiếp tục xúc chất thải rắn sinh hoạt theo quy trình kỹ thuật tại điểm này cho đến hết ca làm việc, đảm bảo vệ sinh trong quá trình làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện về điểm lưu giữ phương tiện;

- Kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định;

- Bàn giao khối lượng chất thải rắn được xúc chuyển trong ngày với ca làm việc tiếp theo.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật

a) Công tác thu gom rác trên bờ biển

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác thu gom rác trên bờ biển bao gồm:

Công tác thu gom rác trên bờ biển bằng thủ công: Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động và các dụng cụ lao động cần thiết khác; di chuyển phương tiện thu gom, nhặt, vớt chất thải từ điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ đến vị trí thực hiện công việc theo lịch trình được phân công; di chuyển dọc ven bờ đến các khu vực có chất thải rắn trôi nổi, dạt vào bờ; đối với khu vực bãi cát, bãi đất, công nhân đi bộ nhặt, gom chất thải rắn; chất thải sau khi thu gom, nhặt, vớt được tập hợp và đưa lên phương tiện thu gom; vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải thu gom được đến địa điểm tập kết đã quy định, nhân công phối hợp vận chuyển chất thải rắn từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển; trong quá trình thu gom, cần phân loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế riêng để bàn giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng; sau khi vận chuyển hết chất thải rắn lên bờ, di chuyển phương tiện đến vị trí vớt chất thải rắn, lặp lại công việc đến hết ca làm việc.

Công tác thu gom rác trên bờ biển bằng cơ giới (sàng cát bằng máy chuyên dụng): Chuẩn bị dụng cụ lao động, trang bị bảo hộ lao động; kiểm tra tình trạng kỹ thuật của máy sàng cát, mức nhiên liệu và các thiết bị an toàn trước khi vận hành; di chuyển máy sàng cát đến khu vực thực hiện theo quy định.Vận hành máy sàng cát di chuyển theo tuyến trên bãi biển; thực hiện thu gom, sàng tách rác khỏi lớp cát bề mặt và trả cát sạch về bãi; điều chỉnh hướng di chuyển, tốc độ và độ sâu sàng phù hợp với điều kiện thực tế của bãi cát; thu gom rác sau khi sàng vào bộ phận chứa của máy; khi máy thực hiện hết phạm vi sàng, di chuyển sang khu vực tiếp theo theo quy định; tiếp tục di chuyển và vận hành máy sàng cát tại các khu vực được phân công, lặp lại công việc đến khi hoàn thành khối lượng hoặc hết ca làm việc; di chuyển phương tiện, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện. Vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 02 loại công việc:

CC2.01: Công tác thu gom rác trên bờ biển bằng thủ công.

CC2.02: Công tác thu gom rác trên bờ biển bằng cơ giới (sàng cát bằng máy chuyên dụng).

- Định biên, định mức

Bảng số 116

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn/10.000m^2)			
		CC2.01		CC2.02	
		Định biên	Định mức	Định biên	Định mức
1	Công tác thu gom rác trên bờ biển	01 NC II.IV	1,205	01 LX III	0,363

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 117

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/10.000m^2)	
				CC2.01	CC2.02
1	Chổi có cán	cái	06	1,205	-
2	Xẻng có cán	cái	12	1,205	-
3	Cào có cán	cái	06	1,205	-
4	Thiết bị báo hiệu	cái	06	1,205	-
5	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	1,205	0,363
6	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	1,205	0,363
7	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	1,205	0,363
8	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	1,205	0,363
9	Ủng cao su	đôi	12	0,603	0,181
10	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,603	0,181
11	Quần áo mưa	bộ	12	0,603	0,181
12	Áo phản quang	cái	12	1,205	0,363
13	Xe đẩy tay	chiếc	24	1,205	-
14	Giỏ cần xé	cái	12	1,205	-

*. *Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 118

TT	Danh mục thiết bị	Mức tiêu hao (ca/10.000m^2)
		CC2.02
1	Máy sàng cát chuyên dụng	0,363

*. *Định mức tiêu hao vật liệu*

Bảng số 119

TT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao cho 10.000m2
			CC2.02
1	Lưới sàng cát	bộ	0,00221
2	Bộ trục xoắn	bộ	0,00267

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 120

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/10.000m^2)
			CC2.02
1	Dầu diesel vận hành máy sàng cát	lít	22,838

Ghi chú: Đối với các vị trí không tiếp cận được thực hiện bằng máy sẽ được áp dụng công tác thu gom rác trên bờ biển bằng thủ công.

b) Công tác thu gom, vớt rác trôi nổi trên biển

*. *Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác thu gom, vớt rác trôi nổi trên biển bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động và các dụng cụ lao động cần thiết khác; di chuyển phương tiện thu gom từ điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện đến vị trí cần duy trì vệ sinh, vớt, gom chất thải theo lịch trình được phân công; phương tiện thu gom di chuyển đến các khu vực cần duy trì, nhân công sử dụng dụng cụ thủ công đứng trên tàu vớt chất thải rắn trôi nổi, phân loại và cho lên phương tiện thu gom, tiếp tục di chuyển đến các khu vực cần duy trì đến khi đầy phương tiện thu gom, đủ trọng tải; vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải thu

gom được đến địa điểm tập kết đã quy định; nhân công phối hợp vận chuyển chất thải rắn từ phương tiện thu gom lên phương tiện vận chuyển; trong quá trình thu gom, cần phân loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế riêng để bàn giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng; sau khi vận chuyển hết chất thải rắn, di chuyển phương tiện đến vị trí thu gom, vớt chất thải tiếp theo, lặp lại công việc đến hết ca làm việc; di chuyển phương tiện thu gom, dụng cụ lao động về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ phương tiện; vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC2.03: Công tác thu gom, vớt rác trôi nổi trên biển.

- Định biên, định mức

Bảng số 121

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn 10.000m^2)	
		CC2.03	
		Định biên	Định mức
1	Công tác thu gom, vớt rác trôi nổi trên biển	01 TT II.II 03 NC II.IV	0,741

*. *Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 122

TT	Danh mục thiết bị	Công suất	Mức tiêu hao (ca/10.000m^2)
			CC2.03
1	Tàu vớt rác công suất 24CV	24CV	0,260

*. *Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 123

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/10.000m^2)
				CC2.03
1	Mủng nan chèo tay	cái	12	0,260
2	Vợt có cán	cái	06	0,520
3	Sào có cán	cái	06	0,520

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/10.000m^2)
				CC2.03
4	Chổi có cán	cái	06	0,520
5	Xẻng có cán	cái	12	0,520
6	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	1,040
7	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	1,040
8	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	1,040
9	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	1,040
10	Ủng cao su	đôi	12	0,520
11	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,520
12	Quần áo mưa	bộ	12	0,520

**. Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 124

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/10.000m^2)
			CC2.03
1	Dầu diesel vận hành tàu vớt rác	lít	1,30

c) Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên biển vào điểm tập kết trên bờ bằng cơ giới

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên biển vào điểm tập kết trên bờ bằng cơ giới bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động, dụng cụ lao động và kiểm tra phương tiện, thiết bị bảo đảm yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; di chuyển phương tiện vận chuyển từ điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ đến vị trí tiếp nhận chất thải rắn theo lịch trình được phân công; đối với chất thải từ lồng bè nuôi trồng thủy sản, di chuyển phương tiện đến từng lồng bè nuôi trồng thủy sản để tiếp nhận và thu gom vào bao tải 50kg sau đó vận chuyển về điểm tập kết chất thải trên bờ; phương tiện vận

chuyển di chuyển đến các khu vực tiếp nhận chất thải rắn, tiếp nhận chất thải rắn từ các xuồng vớt chất thải để vận chuyển vào điểm tập kết chất thải rắn trên bờ, phương tiện vận chuyển tiếp tục di chuyển đến các điểm tiếp nhận theo quy định đến khi đầy phương tiện/ đủ trọng tải; khi phương tiện vận chuyển cập bến, công nhân phối hợp vận chuyển toàn bộ khối lượng chất thải trên phương tiện vận chuyển lên bờ; trong quá trình tiếp nhận chất thải rắn, cần phân loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế riêng để bàn giao cho cơ sở tái chế, tái sử dụng; sau khi vận chuyển hết chất thải rắn, di chuyển phương tiện đến vị trí tiếp nhận chất thải rắn tiếp theo theo quy định, lặp lại công việc đến hết ca làm việc; kết thúc ca, di chuyển phương tiện và dụng cụ về điểm tập kết hoặc điểm lưu giữ; vệ sinh, kiểm tra và tập kết phương tiện, dụng cụ vào vị trí quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC2.04: Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên biển vào điểm tập kết trên bờ bằng cơ giới.

- Định biên, định mức

Bảng số 125

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công nhóm/tấn)	
		CC2.04	
		Định biên	Định mức
1	Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên biển vào điểm tập kết trên bờ bằng cơ giới	01 TT II.II 01 NC II.IV	0,680

**. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 126

TT	Danh mục thiết bị	Công suất	Mức tiêu hao (ca/tấn)
			CC2.04
1	Tàu vận chuyển rác 33 CV	33CV	0,680

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 127

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/tấn)
				CC2.04

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/tấn)
				CC2.04
1	Chổi có cán	cái	06	0,680
2	Xẻng có cán	cái	12	0,680
3	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	1,360
4	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	1,360
5	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	1,360
6	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	1,360
7	Ủng cao su	đôi	12	0,680
8	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,680
9	Quần áo mưa	bộ	12	0,680

*. *Định mức tiêu hao vật liệu*

Bảng số 128

TT	Danh mục vật liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao cho 1 tấn
			CC2.04
1	Bao tải 50kg	cái	40

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 129

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/tấn)
			CC2.04
1	Dầu diesel vận hành tàu vận chuyển rác 33CV	lít	4,5

d) Vận chuyển phao xốp từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận

*. *Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác vận chuyển phao xốp từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động, phương tiện và các thiết bị cần thiết; di chuyển phương tiện từ điểm lưu giữ đến điểm tập kết phao xốp theo lịch trình; thực hiện dừng, đỗ và cảnh giới, bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình tác nghiệp; công nhân phối hợp vận chuyển, sắp xếp phao xốp lên phương tiện gọn gàng, tận dụng tối đa thể tích chứa; tiếp tục thu gom tại các điểm theo lịch trình cho đến khi phương tiện đạt tải trọng hoặc thể tích chứa; vận chuyển phao xốp đến cơ sở tiếp nhận theo kế hoạch; thực hiện cân xác định khối lượng, xuất trình lệnh vận chuyển, nhận phiếu cân giao nhận và chuyển phao xốp vào đúng vị trí theo quy định của cơ sở tiếp nhận; thực hiện vệ sinh phương tiện trước khi ra khỏi cơ sở; tiếp tục thực hiện các chuyến vận chuyển theo quy trình kỹ thuật và kế hoạch được phân công cho đến hết ca làm việc; kết thúc ca, di chuyển phương tiện về điểm lưu giữ; kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện và dụng cụ về vị trí quy định, bàn giao cho ca tiếp theo.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC2.05: Vận chuyển phao xốp từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận.

- Định biên, định mức

Bảng số 130

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công nhóm /1m^3)	
		CC2.05	
		Định biên	Định mức
1	Vận chuyển phao xốp từ điểm tập kết đến cơ sở tiếp nhận	01LX II 01 NC II.IV	0,022

**. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 131

TT	Danh mục thiết bị	Trọng tải	Mức tiêu hao (ca /1m^3)
			CC2.05
1	Ô tô vận tải thùng, trọng tải 2,5 tấn	2,5 tấn	0,022

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 132

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/1m^3)
				CC2.05

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/1m^3)
				CC2.05
1	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,044
2	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,044
3	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,044
4	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,044
5	Ủng cao su	đôi	12	0,022
6	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,022
7	Quần áo mưa	bộ	12	0,022

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 133

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/1m^3)
			CC2.05
1	Dầu diesel vận hành ô tô trọng tải 2,5 tấn	lít	0,255

Ghi chú: $1m^3$ phao xốp trong định mức được tính là thể tích phao xốp đã thu gọn/kẹp chặt tại điểm tập kết trước khi đưa lên xe.

đ) Bốc xúc chất thải rắn sinh hoạt từ tàu lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới

*. *Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác bốc xúc chất thải rắn sinh hoạt từ tàu lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động và các dụng cụ lao động cần thiết khác; kiểm tra phương tiện đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, an toàn giao thông vận tải và bảo vệ môi trường theo quy định; bốc xúc chất thải rắn từ phương tiện thu gom hoặc vận chuyển dưới bến lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới; lái xe xúc điều khiển gầu vào vị trí tiếp nhận chất thải trên tàu, chờ công nhân vận chuyển chất thải rắn trên tàu vào gầu xúc đến khi đủ tải trọng hoặc thể tích gầu, lái xe điều khiển gầu đưa chất thải rắn lên phương tiện vận chuyển, vun gọn chất thải rắn; tiếp tục xúc chất thải rắn sinh hoạt theo quy trình kỹ thuật tại điểm này cho đến hết ca làm việc, đảm bảo vệ sinh trong quá trình làm việc; di chuyển phương tiện về điểm lưu giữ phương tiện; kiểm tra, vệ sinh, tập kết phương tiện, dụng cụ lao động vào vị trí quy định.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC2.06: Bốc xúc chất thải rắn sinh hoạt từ tàu lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới.

- Định biên, định mức

Bảng số 134

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công nhóm /tấn)	
		CC2.06	
		Định biên	Định mức
1	Bốc xúc chất thải rắn sinh hoạt từ tàu lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới	01LX II 01 NC II.IV	0,0324

*. *Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 135

TT	Danh mục thiết bị	Dung tích gầu	Mức tiêu hao (ca/tấn)
			CC2.06
1	Máy đào 1 gầu bánh hơi, dung tích gầu 0,8m^3	0,8 m^3	0,0324

*. *Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 136

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/tấn)
				CC2.06
1	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,0324
2	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,0324
3	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,0324
4	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,0324
5	Ủng cao su	đôi	12	0,0162
6	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,0162
7	Quần áo mưa	bộ	12	0,0162

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 137

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/tấn)
			CC2.06

1	Dầu diesel vận hành máy đào	lít	1,107

Điều 26. Thu gom, vận chuyển, xử lý phế thải xây dựng

1. Quy trình kỹ thuật

a) Công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thực hiện xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển

- Chuẩn bị dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…), và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

Xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển

- Trường hợp cần thiết, bố trí biển cảnh báo, thiết bị báo hiệu hoặc người cảnh giới để bảo đảm an toàn trong quá trình xúc dọn.

- Cào, cuốc làm tơi phế thải xây dựng và tiến hành xúc phế thải xây dựng lên xe ôtô, san gạt đất đều trên thùng xe, phủ bạt kín trước khi xe chạy.

- Thu gom phần phế thải còn sót lại tại khu vực xúc dọn; quét, gom sạch đất, cát và phế thải rơi vãi trong phạm vi thực hiện công việc.

Kết thúc ca làm việc

- Kiểm tra lại khu vực đã thực hiện, bảo đảm phế thải xây dựng được xúc dọn hết theo khối lượng được giao và khu vực làm việc được vệ sinh sạch sẽ.

- Cuối ca vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

- Bàn giao dụng cụ, phương tiện và tình hình thực hiện công việc cho người phụ trách hoặc ca làm việc tiếp theo.

b) Công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động, lái máy và phương tiện, thiết bị cơ giới thực hiện công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết theo địa bàn, khối lượng và kế hoạch được giao;

- Chuẩn bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động cho người lao động như quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang và các thiết bị bảo đảm an toàn cần thiết;

- Kiểm tra mặt bằng khu vực tập kết, vị trí xe nhận phế thải, đường di chuyển của máy và phương tiện vận chuyển; bố trí biển báo, rào chắn hoặc người cảnh giới khi cần thiết;

- Kiểm tra khối lượng, thành phần phế thải xây dựng và điều kiện làm việc, bảo đảm không có vật liệu nguy hiểm hoặc chướng ngại vật có thể gây mất an toàn trong quá trình bốc xúc.

Xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới

- Điều khiển máy đến vị trí tập kết phế thải xây dựng; đỗ máy tại vị trí ổn định, bảo đảm khoảng cách an toàn với phương tiện vận chuyển và các công trình, thiết bị xung quanh;

- Điều khiển máy thực hiện đổ phế thải xây dựng vào thùng xe theo đúng vị trí, hạn chế rơi vãi và không để vật liệu vượt quá thành thùng;

- Phối hợp với người điều khiển phương tiện vận chuyển để phân bố phế thải tương đối đều trên thùng xe, bảo đảm ổn định tải trọng và an toàn trong quá trình vận chuyển;

- Trường hợp phế thải có kích thước lớn, phải thực hiện phân loại, phá nhỏ hoặc xử lý phù hợp trước khi bốc xúc nhằm bảo đảm an toàn cho thiết bị và phương tiện;

- Trong quá trình bốc xúc phải hạn chế phát sinh bụi, tiếng ồn và rơi vãi phế thải; trường hợp cần thiết thực hiện tưới nước chống bụi;

- Không thực hiện bốc xúc khi có người đứng trong vùng hoạt động của máy hoặc trong phạm vi nguy hiểm của gầu xúc;

- Sau khi phương tiện được xúc đủ tải trọng hoặc thể tích cho phép, san gạt tương đối bằng phẳng bề mặt phế thải, kiểm tra thành thùng và thực hiện che phủ kín trước khi phương tiện rời điểm tập kết;

- Thu gom phần phế thải rơi vãi xung quanh khu vực bốc xúc, vệ sinh mặt bằng và tiếp tục thực hiện công việc cho đến hết khối lượng hoặc hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển máy móc, thiết bị cơ giới về vị trí tập kết hoặc nơi lưu giữ theo quy định;

- Kiểm tra, vệ sinh máy móc, thiết bị và dụng cụ lao động; loại bỏ phế thải bám trên máy và khu vực làm việc;

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý hoặc báo cáo các hư hỏng, sự cố của máy móc, thiết bị;

- Tổng hợp khối lượng phế thải xây dựng đã bốc xúc, chuyển giao cho ca làm việc tiếp theo và thực hiện bàn giao theo quy định.

c) Công tác vận chuyển phế thải xây dựng tại điểm tập kết đến điểm xử lý

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người điều khiển phương tiện vận chuyển và nhân công hỗ trợ theo khối lượng, cự ly và kế hoạch vận chuyển được giao;

- Chuẩn bị đầy đủ bảo hộ lao động và các dụng cụ cần thiết phục vụ công tác vận chuyển;

- Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của xe vận chuyển trước khi xuất bến, bao gồm hệ thống phanh, lái, đèn, còi, lốp xe, thùng xe, thiết bị che phủ và các thiết bị an toàn khác;

- Kiểm tra giấy tờ phương tiện, lệnh vận chuyển và các hồ sơ liên quan theo quy định;

- Xác định tuyến đường vận chuyển, điểm tập kết, điểm xử lý và thời gian tiếp nhận phế thải xây dựng.

Vận chuyển phế thải xây dựng

- Tiếp nhận phế thải xây dựng tại điểm tập kết; phối hợp với đơn vị bốc xúc đưa phế thải lên thùng xe;

- Kiểm tra khối lượng phế thải trên xe, bảo đảm không vượt quá tải trọng cho phép của phương tiện;

- San gạt phế thải tương đối đều trên thùng xe, không để phế thải nhô cao hoặc rơi vãi trong quá trình vận chuyển;

- Phủ bạt kín toàn bộ thùng xe trước khi phương tiện rời điểm tập kết;

- Điều khiển xe theo đúng tuyến đường và tốc độ phù hợp, tuân thủ quy định về an toàn giao thông;

- Trong quá trình vận chuyển thường xuyên quan sát tình trạng che phủ, thùng xe và lượng phế thải; trường hợp phát hiện rơi vãi phải dừng phương tiện tại vị trí bảo đảm an toàn để khắc phục;

- Đến điểm xử lý, thực hiện các thủ tục giao nhận, cân xác định khối lượng nếu có yêu cầu;

- Điều khiển phương tiện vào đúng vị trí đổ phế thải theo hướng dẫn của đơn vị quản lý điểm xử lý;

- Sau khi đổ hết phế thải, kiểm tra thùng xe, thu dọn phế thải còn sót lại và thực hiện vệ sinh phương tiện khi cần thiết;

- Tiếp tục thực hiện chu trình nhận, vận chuyển và đổ phế thải xây dựng cho đến hết ca làm việc.

Kết thúc ca làm việc

- Di chuyển phương tiện về điểm tập kết hoặc nơi lưu giữ theo quy định;

- Kiểm tra, vệ sinh thùng xe, bánh xe và các bộ phận có dính phế thải;

- Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của phương tiện sau ca vận hành;

- Tổng hợp số chuyến, khối lượng phế thải đã vận chuyển và thực hiện bàn giao theo quy định.

d) Xử lý phế thải xây dựng

Công tác chuẩn bị

- Bố trí người lao động thực hiện xử lý phế thải xây dựng

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ bảo hộ lao động (quần, áo, giầy, ủng, mũ, găng tay, khẩu trang…), và các dụng cụ lao động cần thiết khác;

Xử lý phế thải xây dựng

- Ghi chép khối lượng và hướng dẫn chỗ đổ cho các xe tập kết.

- Hướng dẫn cho xe ra vào bãi, đảm bảo không gây ùn tắc và sa lầy.

- Xe ủi phế thải xây dựng thành đống để ôtô có thể liên tiếp vào đổ phế thải xây dựng.

- Phun xịt nước chống bụi hàng ngày

- San ủi rác thải xây dựng đến khi hết ca làm việc

- Quét đường, rửa đường dẫn vào bãi rác

- Cuối ca san lấp để tạo mặt bằng ở bãi, tạo độ dốc thoát nước, gia cố nền đường để xe vào bãi an toàn.

Kết thúc ca làm việc

- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi quy định, giao ca.

2. Định mức kinh tế kỹ thuật

a) Công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bao gồm:

Công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công: Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; cào, cuốc làm tơi phế thải xây dựng và tiến hành xúc phế thải xây dựng lên xe ôtô, san gạt đất đều trên thùng xe, phủ bạt kín trước khi xe chạy; vệ sinh sạch sẽ

tại vị trí đã được thu dọn phế thải; cuối ca vệ sinh dụng cụ, công cụ tập kết về nơi quy định.

Công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới: Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động; di chuyển phương tiện đến địa điểm xúc phế thải xây dựng; lái xe xúc điều khiển, vun gọn phế thải xây dựng; xúc phế thải xây dựng lên xe tải ben cho đến lúc đầy xe; điều khiển gàu xúc vun gọn rác trên xe tải ben; tiếp tục xúc rác các xe tải ben tiếp theo cho đến hết ca làm việc; hết ca vệ sinh phương tiện, tập trung về nơi quy định, giao ca.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 02 loại công việc:

CC3.01: Công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng thủ công.

CC3.02: Công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển bằng cơ giới.

- Định biên, định mức

Bảng số 138

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công đơn/tấn)			
		CC3.01		CC3.02	
		Định biên	Định mức	Định biên	Định mức
1	Công tác xúc dọn phế thải xây dựng tại điểm tập kết lên phương tiện vận chuyển	01 NC II.IV	0,450	01 LX III 01 NC II.IV	0,007

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 139

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/tấn)	
				CC3.01	CC3.02
1	Chổi có cán	cái	06	0,450	0,007
2	Xẻng có cán	cái	12	0,450	0,007
3	Thiết bị báo hiệu	cái	06	0,450	-
4	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,450	0,014

5	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,450	0,014
6	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,450	0,014
7	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,450	0,014
8	Ủng cao su	đôi	12	0,225	0,007
9	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,225	0,007
10	Quần áo mưa	bộ	12	0,225	0,007
11	Áo phản quang	cái	12	0,450	0,014

*. *Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 140

TT	Danh mục thiết bị	Công suất	Mức tiêu hao (ca/tấn)
			CC3.02
1	Máy xúc	16 tấn/giờ	0,007

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 141

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/tấn)
			CC3.02
1	Dầu diesel vận hành máy xúc công suất 16T/h	lít	1,329

b) Công tác vận chuyển phế thải xây dựng tại điểm tập kết đến điểm xử lý

*. *Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác vận chuyển phế thải xây dựng tại điểm tập kết đến điểm xử lý bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; di chuyển phương tiện đến địa điểm lấy phế thải xây dựng; khi phế thải được xúc đầy lên xe, vun gọn phế thải trên xe, phủ bạt kín trước khi chạy; thu gom, quét dọn phế thải rơi vãi lên xe; điều khiển xe về bãi đổ rác; cho xe vào cân xác định tổng trọng tải xe, điều khiển xe lên đổ vào ô chôn lấp, vận hành đổ rác theo đúng quy định trong bãi; điều khiển xe qua hệ thống rửa xe để đảm bảo vệ sinh xe trước khi ra khỏi bãi, di chuyển xe về bãi tập kết; hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 02 loại công việc:

CC3.03: Công tác vận chuyển phế thải xây dựng tại điểm tập kết đến điểm xử lý bằng xe < 10 tấn.

CC3.04: Công tác vận chuyển phế thải xây dựng tại điểm tập kết đến điểm xử lý bằng xe ≥ 10 tấn.

- Định biên, định mức

Bảng số 142

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công nhóm/tấn)			
		CC3.03		CC3.04	
		Định biên	Định mức	Định biên	Định mức
1	Công tác vận chuyển phế thải xây dựng tại điểm tập kết đến điểm xử lý	01 LX III 01 NC II.IV	0,052	01 LX III 01 NC II.IV	0,034

**. Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 143

TT	Danh mục thiết bị	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (ca/tấn)	
			CC3.03	CC3.04
1	Xe tải < 10 tấn	chiếc	0,052	-
2	Xe tải ≥ 10 tấn	chiếc	-	0,034

**. Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 144

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/tấn)	
				CC3.03	CC3.04
1	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,104	0,068
2	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,104	0,068
3	Ủng cao su	đôi	12	0,026	0,034
4	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,026	0,034
5	Quần áo mưa	bộ	12	0,026	0,034
6	Áo phản quang	cái	12	0,104	0,068

**. Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 145

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/tấn)	
			CC3.03	CC3.04
1	Dầu diesel vận hành xe tải < 10 tấn	lít	2,425	-
2	Dầu diesel vận hành xe tải ≥ 10 tấn	lít	-	2,736

Định mức được áp dụng tại khu vực đô thị loại II, III, IV, V.

- Định mức tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng cao có địa hình dốc được điều chỉnh theo hệ số: $K_{KV} = 1,2$.

- Định mức áp dụng cho cự ly thu gom cơ giới bình quân (15 km < L ≤ 20 km). Trường hợp cự ly thu gom cơ giới bình quân thay đổi, định mức được điều chỉnh theo các hệ số ($K_{ĐC}$) tại bảng dưới đây:

Bảng số 146

TT	Cự ly (km)	Hệ số ($K_{ĐC}$)
1	0 < L ≤ 15	0,95
2	15 < L ≤ 20	1,00
3	20 < L ≤ 25	1,11
4	25 < L ≤ 30	1,22
5	30 < L ≤ 35	1,30
6	35 < L ≤ 40	1,38
7	40 < L ≤ 45	1,45
8	45< L ≤ 50	1,51
9	50 < L ≤ 55	1,57
10	55 < L ≤ 60	1,62
11	60 < L ≤ 65	1,66

c) Xử lý phế thải xây dựng

**. Định mức lao động*

- Nội dung công việc

+ Công tác phế thải xây dựng bao gồm các công đoạn sau: Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động; tiếp nhận phế thải xây dựng từ các phương tiện vận chuyển; ghi chép, xác nhận khối lượng và hướng dẫn phương tiện vào đúng vị trí đổ thải theo quy định; hướng dẫn, điều tiết phương tiện ra vào khu vực xử lý, bảo đảm an toàn giao thông nội bộ, không gây ùn tắc trong quá trình tiếp nhận phế thải; sử dụng máy móc, thiết bị để san ủi, vun gọn, tập kết phế thải xây dựng thành từng khu vực hoặc từng đống theo

quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác xử lý, tái chế hoặc chôn lấp; thực hiện phân loại phế thải xây dựng; thu hồi các thành phần có khả năng tái sử dụng, tái chế theo quy định; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xử lý như phun nước chống bụi, thu gom phế thải rơi vãi, quét dọn và rửa đường nội bộ, bảo đảm vệ sinh khu vực xử lý; tiếp tục san ủi, xử lý phế thải xây dựng theo quy trình kỹ thuật cho đến hết ca làm việc; kết thúc ca, kiểm tra, vệ sinh phương tiện, máy móc, dụng cụ lao động; tập kết về nơi quy định và thực hiện bàn giao ca.

+ Định mức lao động được áp dụng cho 01 loại công việc:

CC3.05: Xử lý phế thải xây dựng.

- Định biên, định mức

Bảng số 147

TT	Hạng mục công việc	Định mức (công nhóm/tấn)	
		CC3.05	
		Định biên	Định mức
1	Xử lý phế thải xây dựng	01 NC II.IV	0,042
		02 LX III	0,002

*. *Định mức sử dụng máy móc, thiết bị*

Bảng số 148

TT	Danh mục thiết bị	Công suất/Dung tích	Mức tiêu hao (ca/tấn)
			CC3.05
1	Máy ủi 140CV	140CV	0,002
2	Xe bồn nước 16m^3	16m^3	0,002

*. *Định mức dụng cụ lao động*

Bảng số 149

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/tấn)
				CC3.05
1	Chổi có cán	cái	06	0,042

TT	Danh mục dụng cụ	Đơn vị tính	THSD (tháng)	Mức tiêu hao (ca/tấn)
				CC3.05
2	Xẻng có cán	cái	12	0,042
3	Quần áo bảo hộ lao động	bộ	06	0,126
4	Mũ bảo hộ lao động	cái	06	0,126
5	Găng tay bảo hộ lao động	đôi	01	0,126
6	Khẩu trang than hoạt tính	cái	01	0,126
7	Ủng cao su	đôi	12	0,063
8	Giầy bảo hộ lao động	đôi	06	0,063
9	Quần áo mưa	bộ	12	0,063

*. *Định mức tiêu hao nhiên liệu*

Bảng số 150

TT	Danh mục nhiên liệu	Đơn vị tính	Mức tiêu hao (lít/tấn)
			CC3.05
1	Dầu diesel vận hành Máy ủi 140CV	lít	0,118
2	Dầu diesel vận hành Xe bồn nước 16m^3	lít	0,070

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày *04* tháng *12* năm 2026.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý những vấn đề phát sinh theo thẩm quyền.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở,

ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Báo cáo);
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (Báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT Công báo và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh truyền hình Khánh Hòa;
- Lưu: VT, VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Huyền